

BA NĂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỔNG HỢP

TIẾN BỘ KHOA HỌC — KỸ THUẬT

CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN HĐTTKT ĐẾN NĂM 2000

THAI VĂN TÂN

Chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học — kỹ thuật của các nước thành viên HĐTTKT đến năm 2000 được khoa hợp lần thứ 41 của Hội đồng thông qua vào tháng 12 năm 1985. Chương trình tổng hợp là một văn kiện quan trọng đánh dấu bước phát triển mới trong sự hợp tác toàn diện giữa các nước thành viên trong Hội đồng, đặc biệt là đối với việc đồng viên tiềm lực khoa học — kỹ thuật to lớn của cộng đồng XHCN nhằm giải quyết các nhiệm vụ kinh tế — xã hội bức bách riêng trong từng nước, cũng như chung cho cả cộng đồng. Nhân kỷ niệm 40 r m thành lập HĐTTKT, chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc bài báo nêu lên những thành tựu, vướng mắc... sau 3 năm thực hiện chương trình nói trên.

Những thành tựu ban đầu.

CÁC nước thành viên HĐTTKT cho rằng việc phát triển sản xuất theo chiều sâu trên cơ sở đẩy nhanh tiến bộ khoa học và kỹ thuật là khâu cơ bản trong việc giải quyết những nhiệm vụ đề ra cho các nước và sử dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật hiện nay vào mục đích hòa bình. Trong chương trình tổng hợp đề ra nhiệm vụ thực sự cách mạng là phấn đấu trong một thời gian ngắn nhất đạt trình độ cao của khoa học, kỹ thuật và sản xuất theo 5 hướng ưu tiên diện tử hóa nền kinh tế quốc dân, tự động hóa đồng bộ, năng lượng nguyên tử, vật liệu mới và công nghệ sản xuất và gia công các vật liệu đó, công nghệ sinh học.

Để thực hiện các nhiệm vụ đã nêu, các nước thành viên HĐTTKT đã phối hợp chặt chẽ hơn trong việc phát triển và sử dụng tiềm lực công nghệ và khoa học — kỹ thuật bằng hình thức hợp tác mới. Đó là một sự hợp tác tổng hợp, trong đó xác định rõ ràng mục tiêu chung và những phương tiện để đạt được mục tiêu đó bằng nỗ lực chung của các nước theo toàn bộ chu trình "khoa học — kỹ thuật — sản xuất (bao gồm cả đổi mới hoặc tạo ra sản xuất mới) — tiêu thụ — bảo dưỡng sau sản xuất", với sự định hướng rõ ràng vào kết quả cuối cùng là nhận được kịp

thời sản phẩm cần thiết với một khối lượng cần thiết và về chất lượng thì đáp ứng trình độ thế giới hoặc cao hơn. Chính yêu cầu cuối cùng này cho phép không chỉ đề đáp ứng nhu cầu của Cộng đồng XHCN mà nó còn cho phép đưa ra thị trường thế giới những sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao, điều mà hiện nay tất cả các nước anh em đều hết sức quan tâm.

Ba năm qua đã khẳng định tính đúng đắn của việc lựa chọn các phương hướng ưu tiên của chương trình tổng hợp. Những hướng ưu tiên này phù hợp với các xu thế của tiến bộ khoa học — kỹ thuật thế giới, đáp ứng được lợi ích phát triển kinh tế — xã hội của các nước thành viên HĐTTKT. Gần 1900 các tổ chức cơ sở của các nước thành viên HĐTTKT và Cộng hòa XHCN/ Liên bang Nam Tư — đã tham gia thực hiện chương trình tổng hợp. Các chương trình hợp tác chi tiết hóa bao gồm 1200 nhiệm vụ, trong đó dự kiến tạo ra 1200 loại sản phẩm mới.

Các công trình nghiên cứu khoa học, thiết kế thử nghiệm đã được triển khai thực hiện theo tất cả 94 vấn đề của chương trình. Các hoạt động mang tính chất công nghệ và nắm vững trong sản xuất công nghiệp các loại sản phẩm mới tạo ra được tăng lên với nhịp độ cao.

Trong khuôn khổ chương trình tổng hợp, năm 1987 Liên Xô đã đưa vào sản xuất công nghiệp trên 260 dạng sản phẩm mới đạt hiệu quả kinh

tế cao như: hệ sản xuất linh hoạt gia công cơ khí chi tiết GPK-1, trạm phục vụ hệ thống liên lạc vệ tinh dạng công-te-nơ; tổ hợp chẩn đoán 8 loại vi rút khoai tây; hệ kiểm tra chẩn trị y học, bao gồm cả chẩn đoán nhanh bệnh SIDA nhờ đó mà đã tiến hành khảo sát đại trà tình hình nhiễm bệnh trong nhân dân trong một thời gian ngắn. Năm 1988 Liên Xô đã có 72 công trình triển khai phối hợp được công nhận là sáng chế. Cộng hòa dân chủ Đức đã áp dụng hệ sản xuất linh hoạt để gia công các chi tiết dạng hợp cho phép tăng năng suất lao động lên 50%. Trong các năm 1986 - 1988 CHDC Đức đã bán cho các nước thành viên HDTTKT khác 2471 kết quả nghiên cứu triển khai trị giá 285 triệu Mác. Trong năm 1987 - 1988, Hungari kết thúc và đưa vào sản xuất hàng loạt công trình nghiên cứu trong lĩnh vực máy vi tính và các mạng máy vi tính, cũng như trong lĩnh vực quản lý các qui trình công nghệ ứng dụng kỹ thuật vi xử lý. Năm 1989 dự kiến chuyển giao cho phía Liên Xô hệ thu thập số liệu và quản lý qui trình cho nhà máy điện nguyên tử Pa-sơ; hệ thống nghiên cứu vũ trụ «PHOBOS» với máy tính điện tử mini lắp ở thân; hệ xử lý hình vẽ và thiết bị số hóa ATLAS 90 có các thông số kỹ thuật đạt trình độ thế giới. Ở Bungari đã xây dựng xong hệ quản lý các qui trình công nghệ trong ngành chăn nuôi cho phép tăng sản lượng lên 10%, đã chế tạo thiết bị cho hệ bốc dỡ tự động và xử lý hàng có trọng lượng 50 kg. Các chuyên gia Cuba đã đưa vào sản xuất đại trà những dạng sản phẩm mới về kỹ thuật tính toán. Tại các xí nghiệp của Mông Cổ đã đưa vào sản xuất một số loại sản phẩm sinh học. Ở Ba Lan bắt đầu sản xuất thiết bị ngoại vi cho máy tính điện tử. Các chuyên gia Rumani đã áp dụng vào sản xuất các qui trình công nghệ mới sản xuất vật liệu gốm và composit. Tại Tiệp Khắc đã tạo ra và đưa vào áp dụng một dây chuyền công nghệ tự động sản xuất luyện kim bột.

Năm 1988 là năm đầu tiên trong quá trình thực hiện chương trình tổng hợp có nhiều công trình nghiên cứu khoa học, thiết kế thử nghiệm và công nghệ kết thúc nhất. Quan hệ phối hợp của các tổ chức hợp tác với nhau đã bảo đảm trong nhiều trường hợp giảm thời gian nghiên cứu triển khai tới 1,5 - 2 lần. Trong số 1200 loại sản phẩm mới đã tạo ra được 445 mẫu thử nghiệm theo kế hoạch, tổ chức năm vững sản xuất thử 241 loại và đưa vào sản xuất qui mô công nghệ 145 loại. Trong quá trình năm vững sản xuất đã xây dựng và xét duyệt được 153 tiêu chuẩn cho các sản phẩm mới được tạo ra.

Tổng khối lượng sản phẩm trao đổi giữa các nước thành viên trong những năm qua chiếm tỷ

trọng đáng kể. Riêng trong hướng điện tử hóa hàng năm khối lượng trao đổi đạt khoảng trên 6 tỷ Rúp, trong đó gần 5,5 tỷ Rúp là thiết bị công nghệ chuyên dùng để sản xuất các mạch tổ hợp cực lớn.

Theo thỏa thuận của các nước thành viên HDTTKT, nhiều sản phẩm trên của chương trình tổng hợp sẽ được đem trưng bày giới thiệu để chào hàng, ký các hợp đồng mua bán, cung cấp sản phẩm cho nhau, tại hội chợ triển lãm ở Mátxcơva, Liên Xô vào tháng 10/1989.

Dảng và chính phủ ta coi việc tham gia thực hiện chương trình tổng hợp có tầm quan trọng đặc biệt. Ngày 4-1-1986 Bộ chính trị Trung ương Đảng và thường vụ Hội đồng bộ trưởng đã ra Nghị quyết tán thành hoạt động của đoàn đại biểu nước ta tại khóa họp 41 của Hội đồng. Ngày 9-8-1986, chủ tịch Hội đồng bộ trưởng đã có chỉ thị 195/CT giao nhiệm vụ cho các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Chương trình tổng hợp ở trong nước.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Hội đồng bộ trưởng và Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước với trách nhiệm quản lý chung việc thực hiện những vấn đề nước ta tham gia chương trình tổng hợp, các cơ quan khoa học của nước ta đã tham gia tích cực ngay từ đầu vào chương trình hợp tác nhiều bên quan trọng này. Cho đến cuối năm 1988, có 88 cơ quan của nước ta tham gia thực hiện 82 nhiệm vụ thuộc 43 vấn đề theo tất cả 5 hướng ưu tiên của chương trình tổng hợp. Tháng 3-1989, theo chỉ thị 68/CT của chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước phối hợp với Ủy ban kế hoạch Nhà nước và tổng cục thống kê đã cùng với các bộ, ngành rà xét lại và rút bớt từ 82 xuống còn 49 nhiệm vụ.

Theo các nhiệm vụ, dự kiến tổng số sản phẩm phải tạo ra là 68, tập trung vào các hướng công nghệ sinh học, vật liệu mới và điện tử hóa.

Số nhiệm vụ nêu trên có thể chia thành 3 loại. Loại thứ nhất hướng vào việc tổ chức các sản phẩm dẫn đến chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất với các nước thành viên HDTTKT, loại thứ hai nhằm tạo ra kỹ thuật mới hoặc công nghệ tiến bộ phục vụ trực tiếp cho sự phát triển các ngành kinh tế quốc dân trong nước trong thời gian trước mắt, loại thứ ba liên quan tới đào tạo cán bộ hoặc nghiên cứu áp dụng những kết quả thu được ở các nước thành viên khác.

Trong thời gian qua, chúng ta đã ký 74 văn bản về hợp tác trong đó có 27 hợp đồng và giao kèo về hợp tác khoa học - kỹ thuật và sản xuất, chủ yếu là với các cơ quan của Liên Xô để thực hiện các nhiệm vụ trên. Nhà nước đã

dành một phần ngân sách tập trung (tiền trong nước và ngoại tệ, kể cả viện trợ không hoàn lại cho hợp tác khoa học kỹ thuật của Liên Xô và các nước khác dành cho chúng ta), để triển khai các đề tài và cam kết Quốc tế. Nhiều cơ quan thực hiện đề tài tuy trang bị vật chất và kỹ thuật có hạn nhưng đã huy động nhiều nguồn vốn của cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Những kết quả bước đầu tuy chưa nhiều, nhưng có ý nghĩa thiết thực đối với sự nghiệp phát triển kinh tế và xây dựng tiềm lực khoa học - kỹ thuật của ta.

Trong các đề tài thuộc nhóm thứ nhất, đã xây dựng công nghệ thu nhận nước dừa vô trùng làm môi trường nuôi cấy tế bào, nuôi trồng rong câu và thu nhận agar - agar, lắp ráp tổng đài điện thoại tự động 480 số, tạo gốm áp điện từ nguyên liệu Việt Nam, nam châm đất hiếm với dung lượng từ cao v.v.,

Thuộc nhóm thứ hai, đã xây dựng quy trình công nghệ và đưa vào sản xuất phân Nitragin dùng cho hàng ngàn ha cây trồng nông nghiệp; chế phẩm vi sinh bảo vệ thực vật BT bằng nguồn nguyên liệu trong nước; hoàn thiện dây chuyền sản xuất sinh khối nấm men từ rỉ đường làm tăng chất lượng thức ăn gia súc; hoàn thiện phương pháp cấy ghép hợp tử bò sữa... Trong lĩnh vực điện tử - tin học đã tạo được các Card phối ghép để nối các máy vi tính 16 bit; phát triển mạng máy tính cục bộ; thiết bị truyền tin số chuẩn hóa sử dụng cho hệ thống truyền tin vi ba số băng hẹp và hệ thống thông tin cáp dẫn quang. Trong lĩnh vực vật liệu mới, tạo được hàng vạn bạc trượt sắt xốp - graphit ngâm dầu phục vụ các nhà máy dệt; tạo được chất kết dính không độc hại từ cao su thiên nhiên và các chất Oligomer hoạt tính v.v.,

Một số sản phẩm nói trên đã được chọn đem trưng bày giới thiệu tại triển lãm thành tựu chương trình tổng hợp ở Mátxcova, Liên Xô vào tháng 10 tới.

Những vướng mắc và tồn tại đang được giải quyết.

Như khóa họp lần thứ 44 của HĐTKT đã nhận xét, trong quá trình thực hiện chương trình tổng hợp còn nhiều thiếu sót và vướng mắc. Trước hết, đó là nhịp độ thỏa thuận các vấn đề về tổ chức sản xuất công nghệ các sản phẩm mới bao gồm cả trên cơ sở chuyên môn hóa còn chậm chạp. Lý do của sự chậm trễ này theo đánh giá chung - là sự thiếu thông tin đầy đủ và kịp thời về các thông số kinh tế - kỹ thuật của các công trình nghiên cứu triển khai. Điều này dẫn đến việc kéo dài thời hạn xác định nhu cầu của các nước về một loại sản phẩm nào đó và hậu quả là kéo dài việc lý

kết hợp đồng sản xuất và cung cấp sản phẩm cho nhau.

Những thiếu sót của giai đoạn đầu, giai đoạn tổ chức cũng có ảnh hưởng đến sự phát triển hợp tác ở giai đoạn sau. Ở đây muốn nói tới sự thiếu gắn kết cần thiết giữa các công việc theo các hướng ưu tiên, sự kéo dài thời hạn thỏa thuận và ký kết các hiệp định nguyên tắc, các hợp đồng và giao kèo, không tuân thủ nguyên tắc hình thành giá trong các hợp đồng trao đổi sản phẩm, không chỉ rõ điều kiện và nguồn lực cần thiết đảm bảo thực hiện công trình, các chỉ tiêu trình độ kỹ thuật của một số sản phẩm chưa đạt mức tiên tiến của thế giới v.v... Những hình thức hợp tác mới như thành lập các tổ chức khoa học và các liên hợp khoa học - sản xuất, cấp kinh phí chung cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và thiết kế - thử nghiệm áp dụng chậm và chưa rộng rãi.

Khóa họp lần thứ 44 của Hội đồng sau khi phân tích những vướng mắc và tồn tại nói trên đã đề ra những biện pháp phối hợp nhằm khắc phục sớm. Một trong các phương hướng quan trọng là tập trung nỗ lực của các nước thành viên vào một số vấn đề của chương trình, mà việc thực hiện những vấn đề đó có ảnh hưởng quyết định đối với nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội trong một thời gian ngắn - các dự án khoa học - sản xuất lớn có mục tiêu. Điều này cho phép giải quyết một cách tổng hợp các vấn đề trên theo toàn bộ chu trình đổi mới, nâng cao trình độ tổ chức và trách nhiệm của các bên tham gia. Bên cạnh đó, việc cải tiến các phương pháp kế hoạch hóa hợp tác nhiều bên cũng như hai bên nhằm đưa nhanh kỹ thuật mới vào sản xuất, tiêu thụ, cải tiến cơ chế quản lý chương trình theo hướng làm sao đề nội dung Chương trình phù hợp nhất với các hướng chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật thế giới, các mục tiêu phát triển chính trị, kinh tế và xã hội cao của các nước thành viên HĐTKT cũng đã được đặt ra.

Vai trò và tính chủ động của các cơ quan chủ trì vấn đề được nâng cao. Việc lôi kéo các cơ quan Việt Nam vào quá trình hợp tác chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất cũng đã được chú ý hơn.

Đổi mới và phát triển chương trình tổng hợp.

Đổi mới và thời sự hóa chương trình tổng hợp là một quá trình liên tục. Đây là một nhu cầu khách quan. Thứ nhất, đến cuối năm 1988 đã phát triển lên tới 2500 đề tài theo tất cả năm hướng ưu tiên làm cho chương trình trở nên nặng nề và khó quản lý. Thứ hai, Chương trình tổng hợp được thông qua khi mà ở tất cả

các nước thành viên HĐTĐKT về cơ bản đã hình thành xong kế hoạch 5 năm 1986 - 1990. Thứ ba, qua thời gian thực hiện, xuất hiện nhu cầu điều chỉnh lại mục tiêu của một số vấn đề, khắc phục tính trùng lặp và tạo tính nhất quán của chu trình khoa học - sản xuất - tiêu thụ trong các đề tài và cuối cùng là sự cần thiết thay đổi cơ chế hợp tác, vượt qua những trở trệ trong cơ chế quản lý hành chính quan liêu nhằm làm cho việc hợp tác ngày càng hiệu quả hơn.

Chúng ta đang xây dựng kế hoạch khoa học - kỹ thuật cho 5 năm 1991 - 1995 và đang ở giai đoạn hai của việc phối hợp kế hoạch kinh tế quốc dân giữa các nước thành viên HĐTĐKT cho 5 năm trước mắt.

Các đề nghị về đổi mới và phát triển Chương trình tổng hợp tới năm 2010 và trước mắt là chương trình hợp tác cho giai đoạn 1991 - 1995 hiện đang được các nước thành viên, các cơ quan tương ứng của HĐTĐKT và các cơ quan chủ trì tham gia xây dựng. Cho tới nay, dự kiến điều chỉnh và đưa vào thêm Chương trình gần 30 vấn đề nhằm tiếp tục phát triển hợp tác trong lĩnh vực điện tử hóa, tự động hóa, năng lượng nguyên tử, vật liệu mới và công nghệ sinh học và siêu dẫn nhiệt độ cao. Một số hướng khác đang tiếp tục được xem xét như tổng hợp Protein ngoại tế bào, các nguồn năng lượng không ô nhiễm môi trường, các chế phẩm thuốc chất lượng cao trên cơ sở các phương pháp công nghệ sinh học, nghiên cứu vũ trụ v.v...

Những đề nghị thay đổi trên sẽ được xem xét trong quá trình xây dựng và thỏa thuận các chương trình hợp tác chi tiết cho giai đoạn 1991 - 1995 với một thời hạn gấp rút sao cho các cơ sở tham gia hợp tác có thể bắt đầu công việc từ đầu năm 1990.

Công việc xây dựng các đề án lớn khoa học - sản xuất có mục tiêu trên cơ sở chương trình tổng hợp cũng đang được triển khai mạnh. Những đề án đầu tiên đã được Ủy ban hợp tác khoa học - kỹ thuật và Ủy ban hợp tác nông công nghiệp của HĐTĐKT thông qua, được trao đổi ý kiến tại kỳ họp 43 của Ủy ban hợp tác trong lĩnh vực kế hoạch và kỳ họp 130 của Ban chấp hành.

Trong quá trình tiến hành đổi mới và phát triển Chương trình tổng hợp, chúng ta đặc biệt lưu tâm tới các đề án đã được nêu trong Chương trình đồng bộ đặc biệt của các nước thành viên Châu Âu HĐTĐKT với Việt Nam đến năm 2005 (chương trình đồng bộ đặc biệt). Hợp tác khoa học - kỹ thuật giữa Việt Nam với các nước thành viên HĐTĐKT cho thời kỳ 1991 - 2005 cần đạt được các mục tiêu sau đây.

- Tạo cơ sở khoa học - kỹ thuật để triển khai các nhiệm vụ hàng đầu trong Chương trình đồng bộ đặc biệt, tổ chức chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất các dạng sản phẩm mới để phát triển kinh tế quốc dân của Việt Nam, có tính đến nhu cầu của các nước thành viên và thị trường thế giới.

- Hỗ trợ cho Việt Nam nắm vững và đưa vào sản xuất công nghệ mới và các thành tựu khoa học - kỹ thuật tiên tiến để triển khai ba chương trình kinh tế lớn mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 6 đã vạch ra. Hỗ trợ Việt Nam triển khai Chương trình tổng hợp, áp dụng nhanh các kết quả thu được vào sản xuất.

- Củng cố và nâng cao tiềm lực khoa học và kỹ thuật của đất nước, đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật.

Đó cũng chính là các mục tiêu quan trọng mà chúng ta đã đặt ra khi nêu vấn đề đổi mới và phát triển «hiệp định chung của các nước thành viên HĐTĐKT nhằm hỗ trợ phát triển nhanh khoa học - kỹ thuật của Việt Nam đến năm 1990» ký ngày 15 tháng Giêng năm 1981 kéo dài cho đến hết năm 2005, nhằm tạo được những bước chuyển mới trong hợp tác khoa học - kỹ thuật với HĐTĐKT giai đoạn tới.

Mấy kiến nghị về biện pháp triển khai.

Thực tiễn ba năm đã khẳng định tính đúng đắn của hướng đi, những đề tài đã chọn lựa và những kết quả ban đầu trong việc thực hiện Chương trình tổng hợp ở nước ta. Để góp phần nâng cao hơn hiệu quả hợp tác trong Chương trình hợp tác quan trọng này, xin được nêu một số nhận xét và kiến nghị:

1. Cần nhận thức đúng về mục tiêu tham gia Chương trình tổng hợp. Vấn đề ở chỗ, chẳng những chúng ta cần trước hết và nêu rõ ràng, cụ thể việc các cơ sở khoa học hoặc khoa học - sản xuất của nước ta tham gia những vấn đề nhiệm vụ gì và ở mức độ như thế nào, mà còn từ đó sẽ đưa lại cái gì cho chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất. Sản phẩm và khối lượng các sản phẩm trao đổi cho nhau, chính là cái gốc cũng là thước đo độ sâu liên kết kinh tế XHCN của hợp tác với HĐTĐKT. 49 vụ được đề lại sau đợt rà xét tháng 3-1989 vừa qua là cơ sở để các bộ, các ngành, các cơ sở tham gia tiếp tục hoàn chỉnh đề án hợp tác nhằm đáp ứng được mục tiêu chung, đồng thời phù hợp với khả năng và điều kiện hiện thực của đất nước.

2. Trong quá trình thực hiện Chương trình tổng hợp rất cần phát triển và mở rộng các quan hệ hợp tác trực tiếp, cũng như các hình thức liên doanh và đầu tư nước ngoài khác giữa các cơ sở tham gia hợp tác của nước ta

(Xem tiếp trang 24)

chính các cấp học: Đại học - cao học - nghiên cứu sinh

Từng bước tiến hành đổi mới phương pháp đào tạo, áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại vào năm học 1989 - 1990. Hoàn thành việc biên soạn 70 chương trình và 40 giáo trình môn học.

2. Nghiên cứu khoa học:

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học theo hướng: nghiên cứu cơ bản về rừng nhiệt đới, nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, mở rộng việc nghiên cứu theo hợp đồng với cơ sở sản xuất, đưa công tác nghiên cứu khoa học vươn tới các địa bàn lâm nghiệp trọng yếu như Tây bắc, Tây Nguyên .. tích cực tham gia các đề tài chương trình cấp Nhà nước, cấp ngành.

3. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và tổ chức đời sống:

Trong những năm tới cần xúc tiến việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học như: Xây dựng phòng bảo tồn bảo tàng sinh vật rừng nhiệt đới, xây dựng lại mô hình rừng thực nghiệm, nông lâm kết hợp, vườn cây mẫu, củng cố và cải tạo xưởng cơ khí và chế biến gỗ, tăng cường trang bị kỹ thuật cho trạm thực nghiệm của trường và xây dựng lâm trường thực nghiệm.

Hoàn thành xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường theo thiết kế trước hết là xây dựng xong khu nhà lớp học trong năm 1989. Có chính sách hỗ trợ các gia đình còn lại và các cán bộ công nhân viên xây dựng nhà ở gần với vườn và đất đai để tự sản xuất cải thiện đời sống.

4. Về hợp tác quốc tế.

Tăng cường hợp tác quốc tế, trước mắt tổ chức thực hiện có hiệu quả dự án GCP VIE/012 AUL, và hy vọng có sự quan tâm của Nhà nước và tổ chức quốc tế tiếp tục đầu tư cho Trường đại học lâm nghiệp trong chương trình hành động lâm nghiệp Việt Nam. Mặt khác nhà trường cần mở rộng quan hệ hợp tác với trường TU Dresden (Cộng Hòa DC Đức) và một số nước XHCN anh em trên lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học.

5. Về xây dựng đội ngũ cán bộ.

Đẩy nhanh việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đặc biệt là đội ngũ cán bộ giảng dạy cả về chuyên môn lý luận chính trị và ngoại ngữ thực hiện việc xếp chức danh cho cán bộ giảng dạy. Cần có quy hoạch cụ thể và sớm ổn định đội ngũ cán bộ để phục vụ lâu dài cho sự nghiệp đào tạo.

Biên tập: Nghiêm Phú Ninh

BA NĂM THỰC HIỆN...

với các nước thành viên HĐTKT. Hiện nay ngoài luật đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, Nhà nước ta đã ký hiệp định cấp chính phủ về việc thành lập các xí nghiệp liên doanh hoặc thiết lập quan hệ hợp tác trực tiếp giữa các cơ sở của Việt Nam với Liên Xô (29-10-1989), với Bungari (4-1-1989) .. Đề nghị sớm cho ban hành những văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện những văn bản trên. Cần mạnh dạn giao trách nhiệm và tạo điều kiện để các cơ sở thật sự thuận lợi khi giao dịch trực tiếp như khâu giao nhận sản phẩm hợp tác, sản phẩm mẫu, khí cụ, thiết bị, vật tư, thanh toán vận chuyển v.v...

3. Tăng cường hơn nữa tính chủ động trách nhiệm và quyền hạn của cán bộ phụ trách đề tài và các cơ sở chủ trì thực hiện Chương trình tổng hợp. Bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ hơn giữa các cơ quan quản lý chức năng của các bộ, ngành, giữa Chủ nhiệm các chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật trọng điểm cấp Nhà nước với các cơ sở thực hiện các nhiệm vụ trong chương trình tổng hợp đã được giao.

(Tiếp theo trang 4)

4. Quán triệt và thực hiện đúng theo tinh thần chỉ thị 195/CT ngày 9-8-1986 của chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về việc triển khai Chương trình tổng hợp ở nước ta. Vừa qua, để giúp các cơ sở, các bộ, ngành triển khai đầy đủ và nghiêm túc chỉ thị nói trên, Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước đã cho ban hành thông tư hướng dẫn chỉ thị 195/CT.

5. Phân đấu để làm tốt hơn vai trò chủ trì đối với các đề tài do ta chủ động đưa ra hợp tác với HĐTKT. Nhà nước đồng thời với chính sách đầu tư thích hợp, cần có chế độ thưởng phạt rõ ràng đối với các đơn vị và cá nhân làm tốt hoặc làm không tốt các nhiệm vụ được giao.

Phân đấu thực hiện thành công nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 6 và định hướng rõ ràng vào hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước XHCN khác, chúng ta tin tưởng các cơ quan khoa học và sản xuất của nước ta tiếp tục thu được những thành tựu to lớn hơn trong việc thực hiện Chương trình tổng hợp thời gian tới.